

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 3 – 2024

Về việc ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chiêu

2. Ông Danh Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc “ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Đặng Hoài A, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N, anh A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Võ Thị Kim N trình bày: Chị và anh Đặng Hoài A tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 08/01/2020. Quá trình chung sống, chị với anh A tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm. Từ tháng 11 năm 2023, chị và anh A ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh A không liên lạc thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đặng Hoài A. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Đặng Thảo N, sinh ngày 08/4/2022, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao cháu Đặng Trung N, sinh ngày 24/01/2020 cho anh A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị không cấp dưỡng cho cháu N. Hiện cháu Đặng Thảo N đang sống với chị N, cháu Đặng Trung N đang sống với anh A. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Hoài A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cho chị Võ Thị Kim N ly hôn với anh Đặng Hoài A. Về con chung: Giao cháu Đặng Trung N, sinh ngày 24/01/2020 cho anh Đặng Hoài A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đặng Thảo N, sinh ngày 08/4/2022 cho chị Võ Thị Kim N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh A. Khi khởi kiện, anh A trú tại ấp Long Đức, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N và anh A là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh A xây dựng hôn nhân năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P theo giấy chứng nhận kết hôn số

05, cấp ngày 08/01/2020 nên hôn nhân giữa chị N và anh A là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị N xác định trong quá trình chung sống chị và anh A xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Chị N và anh A đã ly thân từ tháng 11 năm 2023. Trong thời gian ly thân, anh A và chị N cũng không gặp nhau để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh A không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, như vậy anh A đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh A.

[3] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị N thì chị N và anh A có 02 người con là cháu Đặng Trung N, sinh ngày 24/01/2020 và cháu Đặng Thảo N, sinh ngày 08/4/2022. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Trung N, đồng ý cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Thảo N. Anh A đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị N nhưng anh A không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị N. Xét thấy, từ khi ly thân, cháu Đặng Trung N sống với anh A, cháu Đặng Thảo N sống với chị N, các cháu đều phát triển tốt. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N: Giao cháu Đặng Trung N, sinh ngày 24/01/2020 cho anh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Đặng Thảo N, sinh ngày 08/4/2022 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N và anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006539 ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị Kim N đối với anh Đặng Hoài A. Cho chị Võ Thị Kim N ly hôn với anh Đặng Hoài A

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Đặng Trung N, sinh ngày 24/01/2020 cho anh Đặng Hoài A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đặng Thảo N, sinh ngày 08/4/2022 cho chị Võ Thị Kim N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Đặng Trung N đang sống với anh Đặng Hoài A, cháu Đặng Thảo N đang sống với chị Võ Thị Kim N. Anh Đặng Hoài A và chị Võ Thị Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Võ Thị Kim N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Võ Thị Kim N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006539 ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí. Anh Đặng Hoài A không phải chịu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS huyện P;
- UBND xã ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào